

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Bộ tiêu chí Đánh giá Thành viên Kinh doanh của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH HÀNG HOÁ VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 09/04/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa Việt Nam số 4596/GP-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 01/9/2010 và các Giấy phép sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Xét đề nghị của Khối Quản lý Thành viên,

QUYẾT ĐỊNH:

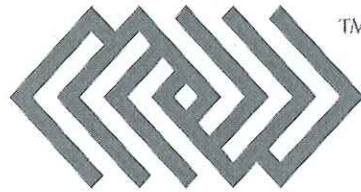
- Điều 1.** Ban hành Bộ tiêu chí Đánh giá Thành viên Kinh doanh của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam đính kèm Quyết định này.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30.../03.../2023
- Điều 3.** Ban Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam; Thành viên Kinh doanh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Khối QLTV, HC./.



SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM




TM

**SỞ GIAO DỊCH
HÀNG HÓA
VIỆT NAM**

BỘ TIÊU CHÍ

ĐÁNH GIÁ THÀNH VIÊN KINH DOANH



SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM			
BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THÀNH VIÊN KINH DOANH			
Mã hiệu	:	Lần ban hành	: 01
Ngày ban hành	: 30/03/2023	Tổng số trang	: 22
			

BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	CHƯƠNG/ĐIỀU	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

NGƯỜI VIẾT	NGƯỜI ĐÁNH GIÁ		
 Nguyễn Khánh Long	 Nguyễn Ngọc Quỳnh	 Dương Đức Quang	 Nguyễn Đức Dũng
 Đặng Việt Hưng	 Vũ Thu Thủy	 Nguyễn Thanh Thủy	 Phạm Ngọc Tuấn



P.T.L
 Ở GIA
 ÀNC
 IỆT
 D.N:0



MỤC LỤC

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ	1
Điều 4. Nguyên tắc đánh giá, xếp hạng Thành viên.....	2
Điều 5. Tài liệu, thông tin, dữ liệu để đánh giá, xếp hạng	2
Điều 6. Hệ thống tiêu chí xếp hạng.....	2
Điều 7. Phương thức tính điểm.....	2
CHƯƠNG II HỆ THỐNG TIÊU CHÍ VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM	3
Điều 8. Tiêu chí Tài chính.....	3
Điều 9. Tiêu chí Hoạt động	4
Điều 10. Tiêu chí Quản trị công ty.....	5
Điều 11. Cách tính tổng điểm xếp hạng	6
CHƯƠNG III XẾP HẠNG THÀNH VIÊN	7
Điều 12. Xếp hạng	7
Điều 13. Tần suất, thời gian thực hiện, phê duyệt xếp hạng	8
Điều 14. Thông báo và lưu trữ kết quả xếp hạng	8
CHƯƠNG IV THỊ PHẦN MÔI GIỚI.....	8
Điều 15. Kết quả thị phần môi giới của Thành viên.....	8
Điều 16. Công bố kết quả thị phần môi giới của Thành viên	8
CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN	8
Điều 17. Trách nhiệm của Thành viên Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam	8
Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn của Khối Quản lý Thành viên của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam.....	8
Điều 19. Hiệu lực thi hành	9
Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí	9
PHỤ LỤC 01.....	10
PHỤ LỤC 02.....	11
PHỤ LỤC 03.....	19

:45
.OD
3 H
'N/
310

BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THÀNH VIÊN KINH DOANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 325...../QĐ/TGD - MXV ngày 30 tháng 03 năm 2023
của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Bộ tiêu chí Đánh giá Thành viên Kinh doanh (sau đây gọi tắt là Bộ tiêu chí) quy định về việc đánh giá, xếp hạng Thành viên Kinh doanh của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bộ tiêu chí này áp dụng đối với các Thành viên Kinh doanh (sau đây gọi tắt là Thành viên) của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (sau đây gọi tắt là MXV).
2. Bộ tiêu chí này không áp dụng đối với Thành viên trong các trường hợp sau đây:
 - 2.1. Thành viên đang bị cơ quan Nhà nước điều tra, khởi tố theo quy định pháp luật.
 - 2.2. Thành viên đã gửi MXV đơn đề nghị chấm dứt tư cách Thành viên, đơn đề nghị tạm dừng tư cách Thành viên.
 - 2.3. Thành viên thuộc các trường hợp chấm dứt tư cách Thành viên bắt buộc theo quy định của MXV.
 - 2.4. Thời gian hoạt động liên tục dưới 03 (ba) tháng trong kỳ đánh giá.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “**Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam**” là pháp nhân được thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam, dưới hình thức Công ty Cổ phần, có chức năng tổ chức, quản lý, điều hành, giám sát hệ thống giao dịch hàng hóa, đảm bảo cho các hoạt động giao dịch hàng hóa qua MXV được thực hiện theo đúng các quy định pháp luật và Điều lệ của MXV.
2. “**Thành viên Kinh doanh**” là doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo Nghị định số 158/2006/NĐ-CP, Nghị định số 51/2018/NĐ-CP và được MXV công nhận là Thành viên Kinh doanh.
3. “**Tài khoản giao dịch hàng hóa**” là tài khoản mở tại Thành viên Kinh doanh để thực hiện giao dịch hàng hóa của Khách hàng, được sử dụng để quản lý tài sản ký quỹ và hàng hóa cơ sở để chuyển giao, hạch toán lãi, lỗ vị thế hàng ngày và thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.
4. “**Cơ sở Dữ liệu**” là tập hợp những thông tin, dữ liệu về hoặc liên quan đến thị trường hàng hóa và giao dịch hàng hóa được biên soạn, tổng hợp bởi MXV và cung cấp cho Thành viên nhằm phục vụ hoạt động giao dịch hàng hóa của Thành viên và Khách hàng.
5. “**Thị phần Môi giới**” là tỷ trọng khối lượng giao dịch của Thành viên trong thời gian đánh giá, công bố thị phần.
6. “**Lot giao dịch**” là đơn vị giao dịch thống nhất trên toàn hệ thống giao dịch của MXV. Một đơn vị Lot giao dịch tương ứng với một Hợp đồng Kỳ hạn/Hợp đồng Kỳ hạn tiêu chuẩn/Hợp đồng Quyền chọn giao dịch tại MXV.

Điều 4. Nguyên tắc đánh giá, xếp hạng Thành viên

1. Việc đánh giá, xếp hạng cần đảm bảo phản ánh đầy đủ thực trạng hoạt động, hiệu quả hoạt động của Thành viên và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.
2. Thành viên được đánh giá, xếp hạng theo hệ thống tiêu chí của Bộ tiêu chí này.
3. Trọng số của nhóm chỉ tiêu, trọng số của từng chỉ tiêu được xác định trên cơ sở tầm quan trọng của từng nhóm chỉ tiêu và yêu cầu của công tác quản lý, giám sát.
4. Căn cứ vào mức điểm đánh giá, xếp hạng đạt được, Thành viên được xếp vào một trong các hạng sau: Xuất sắc (AA), Tốt (AB), Khá (BA), Trung bình (BB) hoặc Yếu kém (C).

Điều 5. Tài liệu, thông tin, dữ liệu để đánh giá, xếp hạng

Tài liệu, thông tin, dữ liệu sử dụng để đánh giá, xếp hạng:

1. Tài liệu, thông tin, dữ liệu của Thành viên gửi MXV theo quy định về nghĩa vụ báo cáo được quy định tại Quy chế Thành viên và theo yêu cầu của MXV.
2. Kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (bao gồm cơ quan quản lý Nhà nước, MXV và công ty kiểm toán độc lập).
3. Cơ sở Dữ liệu của Thành viên được lưu trữ tại MXV.

Điều 6. Hệ thống tiêu chí xếp hạng

Hệ thống tiêu chí được sử dụng để xếp hạng Thành viên bao gồm:

1. Tiêu chí Tài chính.
2. Tiêu chí Hoạt động.
3. Tiêu chí Quản trị công ty.

Điều 7. Phương thức tính điểm

Hệ thống tiêu chí xếp hạng sau khi tiến hành đánh giá, Thành viên sẽ được tính điểm theo một trong các Phương thức sau:

1. Phương thức tính điểm dựa trên xếp hạng Thành viên
Thành viên sẽ được cho điểm tương ứng với thứ tự xếp hạng của mình đối với các tiêu chí, chỉ tiêu sử dụng phương thức tính điểm dựa trên xếp hạng Thành viên, chi tiết được xác định theo quy định tại Phụ lục 01.
2. Phương thức tính điểm dựa trên thang điểm
MXV xây dựng và ban hành các thang điểm dựa trên các tiêu chí cần đánh giá. Khi tiến hành đánh giá, Thành viên sẽ được chấm điểm tương ứng đối với từng mức thang điểm đánh giá của tiêu chí đó.
3. Căn cứ tình hình thực tế của thị trường và yêu cầu trong công tác quản lý Thành viên của MXV, MXV sẽ công bố Phương thức tính điểm và thang điểm đánh giá trong từng thời kỳ.
4. Tổng Giám đốc MXV ban hành Quyết định về việc thay đổi phương thức tính điểm và thang điểm đánh giá trong trường hợp có sự thay đổi căn cứ theo khoản 3 Điều này.



CHƯƠNG II HỆ THỐNG TIÊU CHÍ VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM

Điều 8. Tiêu chí Tài chính

Tiêu chí Tài chính của Thành viên được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:

1. Mức an toàn vốn
 - 1.1. Chỉ tiêu Mức độ an toàn vốn của Thành viên là chỉ tiêu nhằm đánh giá sức khỏe tài chính, mức độ an toàn của việc sử dụng vốn của Thành viên trong quá trình hoạt động thông qua báo cáo tài chính được kiểm toán của Thành viên trong kỳ đánh giá.
 - 1.2. Chỉ tiêu Mức độ an toàn vốn của Thành viên được đánh giá dựa trên: Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên (chia) tổng tài sản của Thành viên.
 - 1.3. Phương thức tính điểm: Tính điểm dựa trên xếp hạng của Thành viên.
2. Tỷ lệ vốn khả dụng
 - 2.1. Chỉ tiêu Tỷ lệ vốn khả dụng của Thành viên là chỉ tiêu nhằm đánh giá mức độ rủi ro đối với nguồn vốn khả dụng của Thành viên trong tương lai, từ đó đánh giá được mức độ ổn định tài chính của Thành viên.
 - 2.2. Chỉ tiêu Tỷ lệ vốn khả dụng của Thành viên được đánh giá dựa trên tỷ lệ:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng}}{\text{Tổng giá trị rủi ro}} \times 100\%$$

Căn cứ báo cáo tài chính được kiểm toán của Thành viên (đã gửi tới MXV theo quy định về nghĩa vụ báo cáo trong Quy chế Thành viên), Thành viên có nghĩa vụ lập báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng chi tiết được xác định theo quy định tại Phụ lục 02. Trong đó, tổng giá trị rủi ro được xác định bằng tổng giá trị của 03 giá trị rủi ro:

- Giá trị rủi ro hoạt động.
- Giá trị rủi ro thị trường.
- Giá trị rủi ro thanh toán.

- 2.3. Phương thức tính điểm: Tính điểm dựa trên xếp hạng của Thành viên.
3. Khả năng sinh lời
 - 3.1. Chỉ tiêu Khả năng sinh lời của Thành viên là chỉ tiêu nhằm đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Thành viên trong kỳ đánh giá.
 - 3.2. Chỉ tiêu Khả năng sinh lời của Thành viên được đánh giá dựa trên 03 nội dung:
 - a) ROE (Return on Equity): Tỷ lệ hoàn vốn: Lợi nhuận sau thuế trên (chia) vốn chủ sở hữu.
 - b) ROA (Return on Asset): Tỷ lệ sinh lời trên tài sản: Lợi nhuận sau thuế trên (chia) tổng tài sản.
 - c) Mức độ lợi nhuận: Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên (chia) tổng doanh thu.
 - 3.3. Phương thức tính điểm: MXV tính điểm đối với từng nội dung tại điểm 3.2 khoản 3 Điều này dựa trên xếp hạng của Thành viên tại các nội dung trên.
 - 3.4. Đối với chỉ tiêu Khả năng sinh lời, điểm của Thành viên được tính theo công thức:

$$\text{Điểm chỉ tiêu Khả năng sinh lời} = \frac{\text{Điểm ROE} + \text{Điểm ROA} + \text{Điểm Mức độ lợi nhuận}}{3}$$

4. Khả năng thanh khoản tài sản
- 4.1. Chỉ tiêu Khả năng thanh khoản tài sản của Thành viên là chỉ tiêu nhằm đánh giá khả năng thanh toán của Thành viên tại thời điểm đánh giá.
- 4.2. Chỉ tiêu Khả năng thanh khoản tài sản của Thành viên được đánh giá dựa trên 02 (hai) nội dung:
- a) Tỷ lệ thanh khoản ngắn hạn: Tỷ lệ tài sản ngắn hạn trên (chia) nợ ngắn hạn.
- b) Tỷ lệ tiền sẵn có: Tỷ lệ các khoản tiền và tương đương tiền trên (chia) nợ ngắn hạn.
- 4.3. Phương thức tính điểm: MXV tính điểm đối với từng nội dung tại điểm 4.2 khoản 4 Điều này dựa trên xếp hạng của Thành viên tại các nội dung trên.
- 4.4. Đối với chỉ tiêu khả năng thanh khoản tài sản, điểm của Thành viên được tính theo công thức:

$$\text{Điểm chỉ tiêu Khả năng thanh khoản tài sản} = \frac{\text{Điểm tỷ lệ thanh khoản ngắn hạn} + \text{Điểm tỷ lệ tiền sẵn có}}{2}$$

Điều 9. Tiêu chí Hoạt động

Tiêu chí Hoạt động của Thành viên được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:

1. Tỷ trọng giao dịch của Thành viên
- 1.1. Chỉ tiêu Tỷ trọng giao dịch của Thành viên là chỉ tiêu nhằm đánh giá kết quả trong hoạt động môi giới giao dịch hàng hóa phái sinh của Thành viên trong kỳ đánh giá.
- 1.2. Chỉ tiêu Tỷ trọng giao dịch của Thành viên đánh giá dựa trên tỷ trọng khối lượng giao dịch của Thành viên trong kỳ đánh giá tính trên (chia) tổng khối lượng giao dịch tại MXV trong kỳ đánh giá.
- 1.3. Phương thức tính điểm: Tính điểm dựa trên xếp hạng của Thành viên.
2. Số lượng môi giới có chứng chỉ của Thành viên
- 2.1. Chỉ tiêu Số lượng môi giới có chứng chỉ của Thành viên là chỉ tiêu nhằm đánh giá quy mô và chất lượng nhân sự của Thành viên, tính chuyên môn hóa và mức độ đầu tư cho chất lượng nhân sự tại Thành viên.
- 2.2. Chỉ tiêu Số lượng môi giới có chứng chỉ của Thành viên đánh giá dựa trên số lượng môi giới có chứng chỉ của Thành viên căn cứ theo báo cáo hoạt động định kỳ của Thành viên trong kỳ đánh giá.
- 2.3. Phương thức tính điểm: Tính điểm dựa trên xếp hạng của Thành viên.
3. Khả năng phát triển Khách hàng của Thành viên
- 3.1. Chỉ tiêu Khả năng phát triển Khách hàng của Thành viên nhằm đánh giá khả năng tiếp cận và phát triển Khách hàng tại Thành viên, thông qua đó mở rộng và phát triển thị trường phái sinh hàng hóa.
- 3.2. Chỉ tiêu Khả năng phát triển Khách hàng của Thành viên được đánh giá dựa trên số lượng tài khoản giao dịch hàng hóa được mở mới tại Thành viên trong kỳ đánh giá.
- 3.3. Phương thức tính điểm: Tính điểm dựa trên xếp hạng của Thành viên.
4. Chất lượng tài khoản giao dịch hàng hóa tại Thành viên
- 4.1. Chỉ tiêu Chất lượng tài khoản giao dịch hàng hóa tại Thành viên là chỉ tiêu nhằm đánh giá kết quả hoạt động phát triển Khách hàng của Thành viên, thông qua hoạt động giao dịch mới của Khách hàng.

- 4.2. Chỉ tiêu Chất lượng tài khoản giao dịch hàng hóa tại Thành viên được đánh giá dựa trên số lượng tài khoản giao dịch hàng hóa phát sinh giao dịch tại Thành viên trong kỳ đánh giá.
- 4.3. Phương thức tính điểm: Tính điểm dựa trên xếp hạng của Thành viên.
5. Thời gian hoạt động liên tục của Thành viên
- 5.1. Chỉ tiêu Thời gian hoạt động liên tục của Thành viên là chỉ tiêu nhằm đánh giá việc duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp khi trở thành Thành viên của MXV kể từ thời điểm được công nhận tư cách.
- 5.2. Chỉ tiêu Thời gian hoạt động liên tục của Thành viên được đánh giá thông qua số tháng hoạt động liên tục của Thành viên kể từ thời điểm được công nhận tư cách Thành viên của MXV.
- 5.3. Phương thức tính điểm: Tính điểm dựa trên xếp hạng của Thành viên.

Điều 10. Tiêu chí Quản trị công ty

Tiêu chí Quản trị công ty của Thành viên được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:

1. Hệ thống quy trình quản trị của Thành viên
- 1.1. Chỉ tiêu Hệ thống quy trình quản trị của Thành viên là chỉ tiêu nhằm đánh giá tính chuyên nghiệp và khả năng vận hành của Thành viên đối với những nghiệp vụ cơ bản trong quá trình hoạt động với tư cách là Thành viên của MXV.
- 1.2. Chỉ tiêu Hệ thống quy trình quản trị của Thành viên được đánh giá dựa trên số lượng và chất lượng nội dung quy trình nghiệp vụ của Thành viên. Số liệu đánh giá căn cứ trên kết quả kiểm tra định kỳ của MXV tại Thành viên và các báo cáo khác của Thành viên.
- 1.3. Phương thức tính điểm: Tính điểm dựa trên thang điểm của MXV.
2. Tính ổn định của nhân sự cấp cao của Thành viên
- 2.1. Chỉ tiêu Tính ổn định của nhân sự cấp cao của Thành viên là chỉ tiêu nhằm đánh giá tính ổn định của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động với tư cách là Thành viên của MXV.
- 2.2. Chỉ tiêu Tính ổn định của nhân sự cấp cao của Thành viên được đánh giá dựa trên số lượng thay đổi nhân sự cấp cao tại Thành viên trong năm đánh giá.
- 2.3. Phương thức tính điểm: Tính điểm dựa trên thang điểm của MXV.
3. Mức độ vi phạm của Thành viên
- 3.1. Chỉ tiêu Mức độ vi phạm của Thành viên nhằm đánh giá tính tuân thủ của Thành viên đối với các quy định của MXV trong kỳ đánh giá.
- 3.2. Chỉ tiêu Mức độ vi phạm của Thành viên được đánh giá dựa trên số lượng vi phạm và mức độ vi phạm của Thành viên trong kỳ đánh giá.
- 3.3. Phương thức tính điểm: Tính điểm dựa trên thang điểm của MXV.
4. Minh bạch thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Thành viên
- 4.1. Chỉ tiêu Minh bạch thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Thành viên là tiêu chí nhằm đánh giá tính minh bạch thông tin của Thành viên đối với các nghĩa vụ công bố thông tin của Thành viên theo quy định tại Quy chế Thành viên.
- 4.2. Chỉ tiêu Minh bạch thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Thành viên được đánh giá dựa trên những thông tin cơ bản mà Thành viên của MXV phải công bố và cập nhật thường xuyên lên website của Thành viên.
- 4.3. Phương thức tính điểm: Tính điểm dựa trên thang điểm của MXV.

5. Hoạt động truyền thông phát triển thị trường của Thành viên
- 5.1. Chỉ tiêu Hoạt động truyền thông phát triển thị trường của Thành viên là tiêu chí nhằm đánh giá mức độ đầu tư và hiện diện hình ảnh, thương hiệu của Thành viên tại các kênh truyền thông đại chúng nhằm phát triển hình ảnh thị trường hàng hóa phái sinh tại Việt Nam.
- 5.2. Chỉ tiêu Hoạt động truyền thông phát triển thị trường của Thành viên được đánh giá dựa trên số lượng sản phẩm truyền thông của Thành viên trên các phương tiện truyền thông đại chúng.
- 5.3. Phương thức tính điểm: Tính điểm dựa trên thang điểm của MXV.
6. Thang điểm chi tiết của từng tiêu chí được xác định theo quy định tại Phụ lục 03.

Điều 11. Cách tính tổng điểm xếp hạng

1. Tổng điểm xếp hạng của Thành viên được xác định trên cơ sở tổng điểm của từng tiêu chí sau khi nhân với trọng số của từng tiêu chí.
2. Trọng số từng tiêu chí được xác định như sau:

STT	MỤC	TIÊU CHÍ	ĐIỂM TIÊU CHUẨN	TRỌNG SỐ
1		Tài chính		30%
	1.1	Mức an toàn vốn	100	
	1.2	Tỷ lệ vốn khả dụng	100	
	1.3	Khả năng sinh lời	100	
	1.4	Khả năng thanh khoản tài sản	100	
2		Hoạt động của Thành viên		40%
	2.1	Tỷ trọng giao dịch	100	
	2.2	Số lượng môi giới có chứng chỉ	100	
	2.3	Khả năng phát triển Khách hàng	100	
	2.4	Chất lượng tài khoản giao dịch hàng hóa	100	
	2.5	Thời gian hoạt động liên tục	100	
3		Quản trị công ty		30%
	3.1	Hệ thống quy trình quản trị	100	
	3.2	Tính ổn định của nhân sự cấp cao	100	

596
DỊCH
HÓA
VA
101

	3.3	Mức độ vi phạm	100	
	3.4	Minh bạch thông tin trên trang thông tin điện tử (website)	100	
	3.5	Hoạt động truyền thông phát triển thị trường	100	

3. Trong trường hợp Thành viên không cung cấp được báo cáo tài chính được kiểm toán của Thành viên theo đúng quy định tại Quy chế Thành viên và Bộ tiêu chí này, điểm tiêu chí Tài chính của Thành viên được tính như sau:
 - a) Thành viên đạt 70% số điểm của tiêu chí Tài chính trong trường hợp Thành viên cung cấp báo cáo tài chính tự lập (chưa được kiểm toán) của Thành viên.
 - b) Thành viên đạt 0 điểm tiêu chí Tài chính trong trường hợp Thành viên không cung cấp được cả 02 (hai) báo cáo tài chính nêu trên.
4. Tổng điểm của Bộ tiêu chí được tính trên thang điểm 100 và tổng điểm xếp hạng được làm tròn đến số thập phân thứ hai và theo nguyên tắc như sau:
 - a) Số thập phân thứ hai tăng 0,01 điểm nếu số thập phân thứ ba có giá trị từ 6 đến 9.
 - b) Giữ nguyên số thập phân thứ hai nếu số thập phân thứ ba có giá trị từ 0 đến 5.
5. Căn cứ tình hình thực tế của thị trường và yêu cầu trong công tác quản lý giám sát Thành viên của MXV, MXV công bố trọng số từng tiêu chí trong từng thời kỳ.
6. Tổng Giám đốc MXV ban hành Quyết định về việc thay đổi trọng số từng tiêu chí trong trường hợp có sự thay đổi căn cứ theo khoản 5 Điều này.

CHƯƠNG III XẾP HẠNG THÀNH VIÊN

Điều 12. Xếp hạng

Thành viên của MXV được xếp vào các hạng như sau:

1. Thành viên xếp hạng Xuất sắc (AA) nếu Tổng điểm xếp hạng lớn hơn hoặc bằng 80 điểm.
2. Thành viên xếp hạng Tốt (AB) nếu Tổng điểm xếp hạng từ 70 điểm đến dưới 80 điểm.
3. Thành viên xếp hạng Khá (BA) nếu Tổng điểm xếp hạng từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.
4. Thành viên xếp hạng Trung bình (BB) nếu Tổng điểm xếp hạng từ 30 điểm đến dưới 50 điểm.
5. Thành viên xếp hạng Yếu kém (C) nếu Tổng điểm xếp hạng dưới 30 điểm.
6. Ngoài quy định nêu tại khoản 5 Điều 12 Bộ tiêu chí này, Thành viên xếp hạng C (Yếu kém) nếu lâm vào một trong các trường hợp:
 - 6.1. Không còn đáp ứng đủ điều kiện trở thành Thành viên của MXV.
 - 6.2. Mất khả năng thanh toán.
 - 6.3. Có hành vi vi phạm một cách cố ý, gây thiệt hại lớn hoặc vi phạm có hệ thống các quy định của MXV về Thành viên, Giao dịch, Quản lý rủi ro.
 - 6.4. Không thực hiện đúng nội dung kết luận tại Biên bản kiểm tra của MXV.



Điều 13. Tần suất, thời gian thực hiện, phê duyệt xếp hạng

1. Trước ngày 15 tháng 06 hàng năm, Khối Quản lý Thành viên trình Tổng Giám đốc MXV phê duyệt kết quả xếp hạng của năm trước liền kề đối với Thành viên của MXV.
2. Trước ngày 30 tháng 06 hàng năm, Tổng Giám đốc MXV phê duyệt kết quả xếp hạng của năm trước liền kề đối với Thành viên của MXV.

Điều 14. Thông báo và lưu trữ kết quả xếp hạng

1. Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày Tổng Giám đốc MXV phê duyệt kết quả xếp hạng, Khối Quản lý Thành viên thông báo kết quả xếp hạng cho từng Thành viên của MXV và công bố xếp hạng Thành viên đối với toàn thị trường.
2. Nội dung thông báo kết quả xếp hạng:
 - 2.1. Đối với Thành viên của MXV: Thông báo kết quả xếp hạng (bao gồm hạng và tổng điểm xếp hạng) của Thành viên.
 - 2.2. Đối với toàn thị trường: Thông báo kết quả xếp hạng (bao gồm hạng) của các Thành viên.
3. Khối Quản lý Thành viên có trách nhiệm thực hiện lưu trữ và sử dụng kết quả xếp hạng theo quy định của MXV.

**CHƯƠNG IV
THỊ PHẦN MÔI GIỚI**

Điều 15. Kết quả thị phần môi giới của Thành viên

1. Trước ngày 15 tháng 7 hàng năm, Khối Quản lý Giao dịch trình Tổng Giám đốc MXV phê duyệt kết quả giao dịch và đánh giá thị phần môi giới 6 tháng đầu năm tại MXV.
2. Trước ngày 15 tháng 1 hàng năm, Khối Quản lý Giao dịch trình Tổng Giám đốc MXV phê duyệt kết quả giao dịch và đánh giá thị phần môi giới của năm liền trước tại MXV.

Điều 16. Công bố kết quả thị phần môi giới của Thành viên

1. MXV thực hiện công bố thị phần môi giới 6 tháng đầu năm tại MXV đối với toàn thị trường trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả giao dịch được Tổng Giám đốc phê duyệt.
2. MXV thực hiện công bố thị phần môi giới của năm liền trước tại MXV đối với toàn thị trường trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày kết quả giao dịch được Tổng Giám đốc phê duyệt.

**CHƯƠNG V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Trách nhiệm của Thành viên Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam

Thành viên MXV chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, thông tin, dữ liệu cung cấp và có trách nhiệm giải trình, báo cáo bổ sung các nội dung liên quan tới việc xếp hạng theo yêu cầu của MXV.

Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn của Khối Quản lý Thành viên của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam

1. Tiếp nhận, phân loại, tổng hợp và lưu trữ các tài liệu, thông tin, dữ liệu được Thành viên MXV cung cấp nhằm phục vụ công tác đánh giá, xếp hạng Thành viên.

2. Làm đầu mối, phối hợp với Đơn vị nghiệp vụ khác của MXV thực hiện việc xếp hạng các Thành viên của MXV.
3. Tham mưu, trình Tổng Giám đốc phê duyệt kết quả xếp hạng các Thành viên của MXV.
4. Tham mưu, trình Tổng Giám đốc các biện pháp xử lý đối với Thành viên theo quy định của Quy chế Thành viên trên cơ sở kết quả xếp hạng đã được phê duyệt.
5. Lưu trữ, thông báo, cung cấp kết quả xếp hạng các Thành viên của MXV theo đúng quy định tại Bộ tiêu chí này và các Quyết định khác có liên quan.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Bộ tiêu chí này có hiệu lực hiệu lực theo quyết định của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí

Việc sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí này do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam quyết định./.


TỔNG GIÁM ĐỐC

Dạng Việt Hưng

P.T.L:
GIAO
NG
ÊT
N:O:

PHỤ LỤC 01
PHƯƠNG THỨC TÍNH ĐIỂM DỰA TRÊN XẾP HẠNG THÀNH VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3251/QĐ-ITGD-MxV ngày 30 tháng 03 năm 2023
của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam)

Đối với mỗi tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá Thành viên được thực hiện theo phương thức tính điểm dựa trên xếp hạng Thành viên, Thành viên được cho điểm dựa trên xếp hạng điểm của mình tại mỗi tiêu chí, chỉ tiêu đó.

Điểm đánh giá Thành viên được xác định chi tiết theo bảng điểm sau, cụ thể:

Xếp hạng	Điểm tương ứng với xếp hạng
Thành viên xếp hạng 01	100 điểm
Thành viên xếp hạng 02	90 điểm
Thành viên xếp hạng 03 - 04	85 điểm
Thành viên xếp hạng 05 - 06	80 điểm
Thành viên xếp hạng 07 - 08	75 điểm
Thành viên xếp hạng 09 - 10	70 điểm
Thành viên xếp hạng 11 - 12	65 điểm
Thành viên xếp hạng 13 - 14	60 điểm
Thành viên xếp hạng 15 - 16	55 điểm
Thành viên xếp hạng 17 - 18	50 điểm
Thành viên xếp hạng 19 - 20	45 điểm
Thành viên xếp hạng 21	40 điểm
Thành viên xếp hạng 22	35 điểm
Thành viên xếp hạng 23	30 điểm
Thành viên xếp hạng 24	25 điểm
Thành viên xếp hạng 25	20 điểm
Thành viên xếp hạng 26	15 điểm
Thành viên xếp hạng từ 27 trở xuống	10 điểm



PHỤ LỤC 02

**BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG ÁP DỤNG CHO THÀNH VIÊN KINH DOANH
CỦA SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3251/QĐ-TGD-MXV ngày 30 tháng 03 năm 2023
của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam)

CÔNG TY...

Số:/BC-.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng.... năm

BÁO CÁO

Tỷ lệ vốn khả dụng tại thời điểm:

Kính gửi: Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định pháp luật Việt Nam và quy định tại Bộ tiêu chí Đánh giá Thành viên Kinh doanh của MXV ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ/TGD-MXV ngày/...../..... quy định chỉ tiêu tỷ lệ vốn khả dụng của Thành viên Kinh doanh;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

3/GX
CH
A
M
40/P

I. Bảng tính giá trị vốn khả dụng

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
1	Vốn góp của chủ sở hữu	√		
2	Thặng dư vốn cổ phần	√		
3	Vốn khác của chủ sở hữu	√		
4	Cổ phiếu quỹ	√		
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	√		
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	√		
7	Quỹ đầu tư phát triển	√		
8	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	√		
9	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	√		
10	Nguồn vốn đầu tư XDCB	√		
1A	Tổng			
I	Tài sản ngắn hạn		√	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		√	
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		√	
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		√	

4	Tài sản ngắn hạn khác		√	
1B	Tổng			
I Tài sản cố định				
II	Bất động sản đầu tư		√	
III	Tài sản dở dang dài hạn		√	
IV	Tài sản dài hạn khác			
1	Chi phí trả trước dài hạn		√	
2	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		√	
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		√	
4	Tài sản dài hạn khác		√	
1C	Tổng			
I Giá trị ký quỹ				
1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ rủi ro thanh toán của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam		√	
2	Giá trị ký quỹ đảm bảo tư cách Thành viên		√	
3	Các khoản ký quỹ khác của Thành viên		√	
1D	Tổng			
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D				

Ghi chú: Dấu √ là các chỉ tiêu cần tính toán

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO
A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG
(Đơn vị tính: đồng)

	Tiêu chí	Hệ số rủi ro (%) (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3) = (2)*(1)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1	Tiền mặt (VND)	0		
2	Các khoản tương đương tiền	0		
3	Giấy tờ có giá, chứng chỉ tiền gửi	0		
II.	Trái phiếu Chính phủ	3		
III.	Trái phiếu tổ chức tín dụng	15		
IV. Trái phiếu doanh nghiệp				
1	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	20		
2	Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết	35		
V. Cổ phiếu				
1	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại các Sở giao dịch Chứng khoán.	15		
2	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đang đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom.	30		
3	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50		
VI.	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán	30		
VII.	Chứng khoán bị hạn chế giao dịch/hủy niêm yết, hủy giao dịch	80		

VIII. Giao dịch hợp đồng tương lai				
1	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	15		
2	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3		
3	Hợp đồng kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa	30		
IX. Chứng khoán khác				
1	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80		
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)				

596
DỊCH
TỔ
TỔ
101

B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

(Đơn vị tính: đồng)

Giá trị rủi ro

Rủi ro trước thời hạn thanh toán

STT	Các khoản phải thanh toán	(1)	(2)	(3)	(4)	Tổng giá trị rủi ro*
1	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền, tương đương tiền có cùng bản chất					
2	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					
3	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN						

*Tổng giá trị rủi ro được tính bằng giá trị rủi ro (giá trị các khoản phải thanh toán) nhân với hệ số rủi ro theo đối tác (chi tiết theo bảng hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác).

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được xác định như sau:

	Đối tác	Hệ số rủi ro
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	0%
(2)	Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam	0,1%
(3)	Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam	1%
(4)	Các tổ chức, cá nhân, đối tượng khác	8%

C. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

(Đơn vị tính: đồng)

I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong năm đánh giá: Năm 20....	
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	
IV	Tổng giá trị rủi ro hoạt động = 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	

Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí bao gồm:

(Đơn vị tính: đồng)

Giá trị

Chi phí khấu hao

Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn

Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác

Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Chi phí lãi vay



III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường		
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán		
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động		
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		
5	Vốn khả dụng		
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)		



PHỤ LỤC 03
THANG ĐIỂM TIÊU CHÍ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3251/QĐ-KGD-MXV ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam)

I. Hệ thống quy trình hoạt động

STT	Quy trình cơ bản tại Thành viên	Điểm
1.1	Quy trình/hướng dẫn hoạt động đóng/mở tài khoản	10 điểm
1.2	Quy trình/hướng dẫn hoạt động nạp/rút tiền	20 điểm
1.3	Quy trình/hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin	15 điểm
1.4	Quy trình/hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ tài chính, phí sử dụng phần mềm (CQG) (nếu có)	20 điểm
1.5	Quy trình/hướng dẫn nghĩa vụ bảo quản lưu trữ chứng từ, hồ sơ giao dịch của Khách hàng	10 điểm
1.6	Quy trình quản lý rủi ro	25 điểm
TỔNG		100 Điểm

Đối với tiêu chí Hệ thống quy trình hoạt động của Thành viên Kinh doanh (TVKD), TVKD được đánh giá, chấm điểm như sau:

- ✓ TVKD có tối đa 100 điểm, với mỗi Quy trình/hướng dẫn thiếu hoặc không đầy đủ hoặc không có, TVKD bị trừ số điểm tương ứng với Quy trình/hướng dẫn thiếu hoặc không đầy đủ hoặc không có theo bảng điểm nêu trên.
- ✓ Trong trường hợp TVKD có đầy đủ các quy trình/hướng dẫn theo quy định và yêu cầu của MXV, TVKD đạt 100 điểm.

II. Tính ổn định nhân sự cấp cao

Tiêu chí được tính dựa trên số lượng thay đổi trong nhân sự quản lý cấp cao của Thành viên trong năm. Nhân sự cấp cao bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc/Giám đốc, Kế toán trưởng.

TIÊU CHÍ	Thang điểm					
	0	10 – 30	30 – 50	50 – 70	70 – 90	100
Số lượng thay đổi nhân sự quản lý cấp cao	>= 5	4	3	2	1	0

III. Tiêu chí mức độ vi phạm

Bảng tính điểm mức độ vi phạm của Thành viên

Điểm vi phạm		
Mức xử lý vi phạm	Trọng số	Số lần xử lý vi phạm
Hình thức xử lý vi phạm chính:		
Nhắc nhở	5	
Cảnh cáo	10	
Đình chỉ một phần hoạt động	30	
Đình chỉ toàn bộ hoạt động	50	
Hình thức xử lý vi phạm bổ sung:		
Công bố thông tin toàn thị trường	5	
Buộc giải trình, cung cấp thông tin	5	
Hạn chế mở tài khoản bằng phương thức bảo lãnh	5	
Không xem xét tăng hạn mức giao dịch	5	
Giảm hạn mức giao dịch	5	
Hạn chế hoặc không cho mở mới tài khoản	5	
Kiểm soát, hạn chế một phần giao dịch	10	
Giám sát đặc biệt	30	
TỔNG ĐIỂM		

Công thức tính điểm vi phạm:

$$\text{Điểm vi phạm} = \sum^n \text{Số lần vi phạm} * \text{trọng số vi phạm}$$

Thang điểm căn cứ trên số “Điểm vi phạm” của Thành viên cụ thể:

TIÊU CHÍ	Thang điểm										
	0	10 -15	20 - 25	30 - 35	40 - 45	50 - 55	60 - 65	70 - 75	80 - 85	90 - 95	100
Điểm vi phạm	>70	70	65	60	55	45-50	35-40	25-30	15-20	5-10	0

IV. Minh bạch thông tin website

Cách thức đo lường:

Tiêu chí Minh bạch thông tin website được đo lường dựa trên 3 chỉ tiêu:

- Số mục nội dung thông tin chính trên website
- Tần suất cập nhật thông tin trên website (tháng)
- Số lượt công bố thông tin trên website (lần)

Công thức tính điểm:

Điểm minh bạch thông tin Website			
Tiêu Chí	Trọng số	Số vi phạm	Điểm thành phần
Nội dung website (mục)	50	(Từ 1 – 5)	5
Tần suất cập nhật website (tháng)	30	(Từ 1 – 12)	1.5
Công bố thông tin trên website (lần)	20	Số vi phạm * 10	
TỔNG ĐIỂM			

i. Điểm nội dung website (Tối đa 50 điểm)

Công thức tính:

$$\text{Điểm Nội dung} = \text{Trọng số} * (5 - \text{Số vi phạm})/5$$

Website có đủ các mục thông tin chính của thành viên bao gồm:

- ✓ Sản phẩm, dịch vụ
- ✓ Phân tích/dự báo
- ✓ Tin tức
- ✓ Hỗ trợ NĐT
- ✓ Thông tin về thành viên

Thành viên thiếu 01/hoặc nhiều mục trên sẽ tương ứng với 01/hoặc nhiều Số vi phạm tương ứng.

ii. Điểm tần suất cập nhật website (Tối đa 30 điểm)

Công thức tính:

$$\text{Điểm tần suất cập nhật} = \text{Trọng số} * (12 - \text{Số vi phạm})/12$$

Trong đó số vi phạm = số tháng không cập nhật thông tin trên Website trong năm đánh giá của Thành viên.

iii. Điểm công bố thông tin (CBTT)

Công thức tính:

$$\text{Điểm CBTT} = \text{Trọng số} - (\text{Số vi phạm}/\text{Trọng số})$$

Trong đó số vi phạm = số lần không CBTT trong năm đánh giá của Thành viên (Căn cứ theo Quy chế Thành viên)

iv. Tổng điểm tiêu chí minh bạch thông tin website

Công thức tính:

$$\text{Điểm minh bạch thông tin} = \text{Điểm nội dung} + \text{Điểm tần suất cập nhật} + \text{Điểm CBTT}$$

V. Hoạt động truyền thông phát và triển thị trường của Thành viên

Thang điểm					
0 - 20	30 - 40	50 - 60	70 - 80	90	100
<p>Không triển khai hoạt động truyền thông</p> <p>Hoặc</p> <p>Thực hiện hoạt động truyền thông sai sự thật, trái quy định pháp luật</p> <p>Hoặc</p> <p>Đã bị xử lý vi phạm về truyền thông từ 1 lần trở lên trong năm</p>	<p>Có ít nhất 1 bài viết của TVKD được đăng tải trên các báo, đài, và phương tiện truyền thông đại chúng trong năm</p> <p>Hoặc</p> <p>Đã bị xử lý vi phạm về truyền thông từ 1 lần trở lên trong năm</p>	<p>Có từ 2 đến 3 bài viết của TVKD được đăng tải trên các báo, đài, và phương tiện truyền thông đại chúng trong năm</p>	<p>Có từ 4 đến 5 bài viết của TVKD được đăng tải trên các báo, đài, và phương tiện truyền thông đại chúng trong năm</p>	<p>Có từ 6 đến 7 bài viết của TVKD được đăng tải trên các báo, đài, và phương tiện truyền thông đại chúng trong năm</p> <p>Và/hoặc</p> <p>Đã tham gia chương trình hợp tác truyền thông với VTV hoặc các chương trình tương tự khác của MXV</p>	<p>Có nhiều hơn 8 bài viết của TVKD được đăng tải trên các báo, đài, và phương tiện truyền thông đại chúng trong năm</p> <p>Và/hoặc</p> <p>Đã tham gia chương trình hợp tác truyền thông với VTV hoặc các chương trình tương tự khác của MXV</p>